



VP AUDIT

INCREASING YOUR VALUE

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NAGAKAWA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**Đã được soát xét bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT**

HÀ NỘI, 2013

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt

96/10, Ngõ 462, Đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội
[T] (844) 6288 1366 [F] (844) 3761 5599 [E] vp@vpaudit.vn

vpaudit.vn / vpaudit.net

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	6-9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	11-12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	13-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung 05 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ: 148.495.780.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2500217389

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	636 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê Tây, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	192/29 đường T5, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Lắp đặt hệ thống điều hòa công trình dân dụng, công nghiệp	80%

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất và mua bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Ông Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Thanh Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Phó Tổng Giám đốc



Đào Thị Soi
Ngày 26 tháng 8 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.841.797.100	271.045.638.656
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.233.933.374	3.960.294.739
1. Tiền	111		2.233.933.374	3.120.294.739
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	840.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		230.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	230.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142.750.141.662	132.591.706.464
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	115.882.782.345	111.778.237.596
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	27.849.026.699	21.795.136.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(981.667.382)	(981.667.382)
IV. Hàng tồn kho	140		99.159.883.567	89.034.284.952
1. Hàng tồn kho	141	V.6	99.159.883.567	89.034.284.952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.467.838.497	45.459.352.501
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	296.180.732	369.415.467
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.469.112.994	571.274.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	26.702.544.771	44.518.662.487

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.745.095.055	78.922.549.233
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.487.032.760	37.607.881.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33.485.282.762	37.595.524.824
<i>Nguyên giá</i>	222		86.839.197.106	87.851.940.297
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(53.353.914.344)	(50.256.415.473)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.749.998	12.357.143
<i>Nguyên giá</i>	228		133.962.600	160.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(132.212.602)	(148.605.457)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41.175.969.451	41.175.969.451
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	4.175.969.451	4.175.969.451
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		82.092.844	138.697.815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	25.659.176	69.367.241
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	56.433.668	69.330.574
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		347.586.892.155	349.968.187.889

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		206.538.763.550	211.389.477.156
I. Nợ ngắn hạn	310		205.381.605.856	209.099.449.702
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	95.712.211.126	131.217.765.150
2. Phải trả người bán	312	V.16	30.659.434.594	8.146.219.348
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	54.260.874.398	48.683.327.210
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	13.700.605.172	13.477.639.059
5. Phải trả người lao động	315		519.254.226	702.484.602
6. Chi phí phải trả	316	V.19	9.860.029.813	6.125.788.442
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	611.673.494	688.702.858
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.523.033	57.523.033
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.157.157.694	2.290.027.454
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.21	1.157.157.694	2.290.027.454
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.258.227.759	135.842.253.435
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	138.258.227.759	135.842.253.435
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.000)	(20.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.955.874.625	2.955.874.625
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		544.719.321	544.719.321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(19.410.236.187)	(21.826.210.511)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.23	2.789.900.846	2.736.457.298
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		347.586.892.155	349.968.187.889

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		296,86	296,86
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 26 tháng 8 năm 2012



Đào Thị Soi

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	115.436.806.180	163.860.407.348
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.567.229.968	4.099.037.508
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	113.869.576.212	159.761.369.840
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	94.849.592.402	128.888.507.828
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.019.983.810	30.872.862.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	137.221.121	65.182.634
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.349.129.470	20.584.201.100
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.248.248.060	20.481.444.663
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.651.107.800	2.472.237.965
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.425.255.613	7.029.551.297
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.731.712.048	852.054.284
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.061.030.261	1.802.416.728
12. Chi phí khác	32	VI.8	55.695.090	50.093.059
13. Lợi nhuận khác	40		1.005.335.171	1.752.323.669
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	(48.769.861)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.737.047.219	2.555.608.092
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	254.732.441	52.992.439
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	12.896.906	(8.772.817)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.469.417.872</u>	<u>2.511.388.470</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		53.443.548	25.158.679
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		2.415.974.324	2.486.229.791
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>163</u>	<u>167</u>

Lập ngày 26 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAGAKAWA
VIỆT NAM

Đào Thị Soi

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.737.047.219	2.555.608.092
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.040.457.675	4.207.692.770
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(130.572.875)	(63.903.704)
- Chi phí lãi vay	06		10.248.248.060	20.481.444.663
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.895.180.079	27.180.841.821
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.019.494.645)	(23.507.403.682)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.125.598.615)	37.412.602.686
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26.999.518.117	10.635.957.663
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		235.334.332	(40.880.962)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.878.595.079)	(14.101.414.329)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		36.974.264.942	45.563.727.115
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18.358.585.772)	(26.896.032.604)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.722.023.359	56.247.397.708
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(38.000.000)	(38.389.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(24.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		130.572.875	63.903.704
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		92.572.875	(24.474.485.496)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		53.629.070.971	62.183.561.543
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(89.170.028.570)	(98.091.524.185)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(35.540.957.599)	(35.907.962.642)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.726.361.365)	(4.135.050.430)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.960.294.739	6.627.192.023
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.233.933.374	2.492.141.593

Người lập biểu



Trần Văn Vương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Lập ngày 26 tháng 8 năm 2012

Phó Tổng Giám đốc



Đào Thị Soi

Số : 18 /2013.02/VPA-BCTC
Ngày : 26 tháng 8 năm 2013

Nơi nhận : **Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**
Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Kính gửi : **Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Về việc : **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT

Phó Giám đốc



Thanh

Nguyễn Thị Hồng Thanh
GCNĐKHNT số: 0053-2013-124-1

Kiểm toán viên

Tâm

Trần Anh Tâm
GCNĐKHNT số: 1802-2013-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
- Hoạt động kinh doanh trong kỳ** : Sản xuất đồ điện dân dụng và điều hòa không khí
- Tổng số các công ty con** : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	80%	80%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	100%	28%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính, đối với các TSCĐ Doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá TSCĐ theo tiêu chuẩn của Thông tư 45 thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp trong thời gian 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty mẹ được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào cuối năm tài chính.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Tại Công ty mẹ

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 19121000057 ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty tiếp tục được hưởng các ưu đãi theo Giấy phép đầu tư số 24/GP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam. Theo đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Trong 12 năm đầu tiên kể từ khi dự án bắt đầu sản xuất kinh doanh thuế suất là 15%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Năm 2013 là năm tài chính thứ 12 của dự án tính từ thời điểm dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép đầu tư số 24/GP-VP ngày 22/8/2002 và là năm tài chính thứ 8 Công ty có thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ chưa được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tập đoàn không thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Việc đánh giá này sẽ được thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.365.227.675	1.038.562.532
Tiền gửi ngân hàng	543.792.699	1.924.874.607
Tiền đang chuyển	324.913.000	156.857.600
Các khoản tương đương tiền	-	840.000.000
Cộng	<u>2.233.933.374</u>	<u>3.960.294.739</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	230.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	230.000.000	-
Cộng	<u>230.000.000</u>	<u>-</u>

3. Phải thu khách hàng

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty mẹ	72.035.224.494	77.341.477.858
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	9.519.995.333	3.245.459.568
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	1.116.021.224	1.287.591.974
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP. Hồ Chí Minh	1.455.652.711	1.517.399.321
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	31.755.888.583	28.386.308.875
Cộng	<u>115.882.782.345</u>	<u>111.778.237.596</u>

4. Trả trước cho người bán

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty mẹ	19.309.083.771	21.014.792.879
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP. Hồ Chí Minh	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	8.539.942.928	780.343.371
Cộng	<u>27.849.026.699</u>	<u>21.795.136.250</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty mẹ	(669.745.000)	(669.745.000)
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	(311.922.382)	(311.922.382)
Cộng	(981.667.382)	(981.667.382)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.913.839.772	11.413.797.247
Công cụ, dụng cụ	-	4.800.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.170.551.499	32.118.675.892
Thành phẩm	11.583.305.227	17.666.284.963
Hàng hóa	38.492.187.069	25.227.461.917
Hàng gửi đi bán	-	2.603.264.933
Cộng	99.159.883.567	89.034.284.952

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê văn phòng	21.666.667	245.528.178
Giá trị CCDC xuất dùng	11.904.545	6.044.454
Chi phí bảo trì, sửa chữa phần mềm	24.687.500	27.479.167
Chi phí bảo hiểm tài sản	16.496.598	47.599.342
GTCL TSCĐ phân loại lại theo thông tư 45/2013/TT-BTC	118.391.532	-
Chi phí trả trước khác	103.033.890	42.764.326
Cộng	296.180.732	369.415.467

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	22.758.776.423	22.012.658.517
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.943.768.348	22.506.003.970
Cộng	26.702.544.771	44.518.662.487

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.069.620.194	60.445.310.602	4.601.212.633	674.788.231	61.008.637	87.851.940.297
Tăng do mua sắm mới	-	38.000.000	-	-	-	38.000.000
Giảm do phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(65.584.200)	(480.048.040)	-	(487.680.951)	(17.430.000)	(1.050.743.191)
Số cuối kỳ	22.004.035.994	60.003.262.562	4.601.212.633	187.107.280	43.578.637	86.839.197.106
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.011.863.369	36.885.489.466	3.648.082.810	649.971.191	61.008.637	50.256.415.473
Tăng do trích khấu hao	619.915.136	3.116.202.598	287.804.936	11.594.521	-	4.035.517.191
Giảm do phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(32.743.552)	(413.386.336)	-	(474.458.432)	(17.430.000)	(938.018.320)
Số cuối kỳ	9.599.034.953	39.588.305.728	3.935.887.746	187.107.280	43.578.637	53.353.914.344
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.057.756.825	23.559.821.136	953.129.823	24.817.040	-	37.595.524.824
Số cuối kỳ	12.405.001.041	20.414.956.834	665.324.887	-	-	33.485.282.762

Một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo số sách là 84.896.500.446 VND và 33.363.346.509 VND đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 03/2013/HDTDHM ngày 02 tháng 4 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	143.962.600	17.000.000	160.962.600
Tăng trong kỳ do mua mới	-	-	-
Giảm do phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(10.000.000)	(17.000.000)	(27.000.000)
Số cuối kỳ	133.962.600	-	133.962.600
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	140.105.456	8.500.001	148.605.457
Tăng do khấu hao	2.107.146	2.833.338	4.940.484
Giảm do phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(10.000.000)	(11.333.339)	(21.333.339)
Số cuối kỳ	132.212.602	-	132.212.602
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.857.144	8.499.999	12.357.143
Số cuối kỳ	1.749.998	-	1.749.998

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa ^(a)	28%	4.175.969.451	28%	4.175.969.451

^(a) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Tập đoàn đã góp đủ vốn theo cam kết, tỷ lệ cổ phần sở hữu thực tế là 100% do các cổ đông khác chưa góp vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tỷ lệ vốn góp thực tế tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013	100%
Vốn góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2013	5.040.000.000
Giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(864.030.549)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	4.175.969.451

12. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản hợp tác với Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ về việc đầu tư khai thác khoáng sản tại mỏ Cao Lanh, tỉnh Cao Bằng, thời hạn hợp tác là 02 năm (thời hạn có thể được kéo dài theo sự thỏa thuận của hai bên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	13.173.286	31.932.539
Phi thiết kế thi công hạng mục nội thất, nhà xưởng	10.510.930	37.434.702
Phi sử dụng đường bộ và kiểm định xe ô tô	1.974.960	-
Cộng	<u>25.659.176</u>	<u>69.367.241</u>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	69.330.574	139.907.354
Phát sinh trong kỳ	56.433.668	69.330.574
Hoàn nhập trong kỳ	(69.330.574)	(139.907.354)
Số cuối kỳ	<u>56.433.668</u>	<u>69.330.574</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>52.990.854.622</u>	<u>69.211.379.860</u>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Thanh Xuân (*)	52.990.854.622	69.211.379.860
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>42.721.356.504</u>	<u>62.006.385.290</u>
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Hàng Hải - chi nhánh Thanh Xuân (**)	721.356.504	2.006.385.290
Trái phiếu công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam(***)	42.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	<u>95.712.211.126</u>	<u>131.217.765.150</u>

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 03/2013/HĐTĐHM ngày 02 tháng 4 năm 2013 nhằm bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ mục đích kinh doanh điện tử điện lạnh. Thời hạn cấp tín dụng đối với mỗi khoản tín dụng được xác định theo từng kế ước nhận nợ, hợp đồng chiết khấu, thư bảo lãnh, L/C; riêng thời hạn cho vay không vượt quá 06 tháng theo từng kế ước nhận nợ; lãi suất vay cụ thể với mỗi lần giải ngân được thỏa thuận theo từng kế ước, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

(**) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thanh Xuân để thanh toán tiền mua khuôn sản xuất vỏ, dàn trao đổi nhiệt điều hòa không khí trung tâm loại 100.000 BTU, 120.000 BTU. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay (kỳ đầu tiên) 10,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn rút vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009; khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(***) Là khoản phát hành trái phiếu theo hợp đồng mua bán trái phiếu số 06/HDTP/MSB ngày 06 tháng 7 năm 2011 ký giữa Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (“Tổ chức phát hành”) và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (“Nhà đầu tư”). Loại trái phiếu là trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo với tổng số trái phiếu là 85, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 2 năm từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2013. Lãi suất của năm đầu tiên là 25%/năm. Mục đích sử dụng để mua lại 40% cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng 30-4. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng mới giải ngân cho đơn vị là 67.000.000.000 đồng theo tài sản đảm bảo, số chưa giải ngân là 18.000.000.000 đồng đang được phản ánh trên chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên Bảng Cân đối kế toán. Trong năm 2012, Tập đoàn đã chuyển cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền 25.000.000.000 đồng. Số tiền nợ phải trả về trái phiếu đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 60.000.000.000 đồng. Trong năm 2013, Tập đoàn thực hiện mua lại trái phiếu theo hợp đồng số 1203/2013/HĐMLTP/MSB-NAG ngày 12 tháng 3 năm 2013. Số tiền phải trả về trái phiếu đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 42.000.000.000 đồng.

16. Phải trả người bán

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty mẹ	28.033.109.474	4.504.469.838
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	53.855.933	53.855.933
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	-	11.950.240
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP Hồ Chí Minh	356.162.025	589.192.525
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	2.216.307.162	2.986.750.812
Cộng	<u>30.659.434.594</u>	<u>8.146.219.348</u>

17. Người mua trả tiền trước

<i>Chi tiết theo đơn vị:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty mẹ	48.172.718.175	39.671.108.490
Chi nhánh Công ty mẹ tại Hà Nội	430.400	9.036.376
Chi nhánh Công ty mẹ tại Đà Nẵng	-	-
Chi nhánh Công ty mẹ tại TP Hồ Chí Minh	146.915.003	36.894.900
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	5.940.810.820	8.966.287.444
Cộng	<u>54.260.874.398</u>	<u>48.683.327.210</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.949.517.021	5.342.083.515
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	466.522.242	95.510.174
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.049.337.032	5.635.834.488
Thuế xuất, nhập khẩu	203.538.027	1.637.553.834
Thuế TNDN	996.469.053	741.736.612
Thuế thu nhập cá nhân	35.221.797	24.920.436
Cộng	<u>13.700.605.172</u>	<u>13.477.639.059</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	943.953.576
Chi phí phải trả trạm bảo hành ủy quyền	228.402.000	228.402.000
Lãi trái phiếu dự trả	8.892.295.082	4.578.688.525
Chi phí thuê phụ thi công công trình Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- PGD Thái Nguyên	739.332.731	374.744.341
Cộng	<u>9.860.029.813</u>	<u>6.125.788.442</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	201.650.948	90.312.695
Bảo hiểm y tế	37.677.353	32.667.983
Bảo hiểm thất nghiệp	20.644.430	17.340.190
Lợi nhuận còn lại của Công ty liên doanh	96.918.688	96.918.688
Cổ tức năm 2007 còn phải trả cổ đông	93.052.800	93.052.800
Phải trả khác	161.729.275	358.410.502
Cộng	<u>611.673.494</u>	<u>688.702.858</u>

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ. Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.290.027.454
Tăng do trích lập trong kỳ	-
Số đã sử dụng trong kỳ	(1.132.869.760)
Số cuối kỳ	<u>1.157.157.694</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(12.194.789.660)	145.473.674.286
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(9.631.420.851)	(9.631.420.851)
Số dư cuối năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(21.826.210.511)	135.842.253.435
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(21.826.210.511)	135.842.253.435
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	2.415.974.324	2.415.974.324
Số dư cuối kỳ	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(19.410.236.187)	138.258.227.759

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	<u>154.167.870.000</u>	<u>154.167.870.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

23. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.736.457.298	2.616.412.446
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	53.443.548	120.044.852
Số cuối kỳ	<u>2.789.900.846</u>	<u>2.736.457.298</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	115.436.806.180	163.860.407.348
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	111.120.323.657	163.147.812.979
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.316.482.523	712.594.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.567.229.968	4.099.037.508
Hàng bán bị trả lại	512.124.931	99.258.182
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.055.105.037	3.999.779.326
Doanh thu thuần	113.869.576.212	159.761.369.840

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	91.101.390.955	128.380.941.947
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.748.201.447	507.565.881
Cộng	94.849.592.402	128.888.507.828

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	130.572.875	63.903.704
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.648.246	1.278.930
Cộng	137.221.121	65.182.634

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.248.248.060	20.481.444.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	100.881.410	102.756.437
Cộng	10.349.129.470	20.584.201.100

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	412.630.120	897.766.503
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.828.083	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.608.476	-
Chi phí bảo hành	206.710.073	31.695.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	444.170.637	200.834.842
Chi phí bằng tiền khác	567.160.411	1.341.941.148
Cộng	1.651.107.800	2.472.237.965

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.104.473.393	2.556.745.064
Chi phí vật liệu quản lý	10.708.798	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.808.236	120.474.461
Chi phí khấu hao TSCĐ	312.089.759	895.498.617
Thuế, phí và lệ phí	21.261.622	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.615.888.285	1.593.084.109
Chi phí bằng tiền khác	303.025.520	1.856.749.046
Cộng	5.425.255.613	7.029.551.297

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu cho thuê văn phòng	1.061.000.000	1.801.306.036
Thu nhập khác	30.261	1.110.692
Cộng	1.061.030.261	1.802.416.728

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	55.695.090	50.093.059
Cộng	55.695.090	50.093.059

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	254.732.441
<i>Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ</i>	<i>165.659.862</i>
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa</i>	<i>89.072.579</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	254.732.441

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ này	Kỳ trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	12.896.906	(8.772.817)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.415.974.324	2.486.229.791
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.415.974.324	2.486.229.791
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.849.576	14.849.576
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	163	167



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.849.576	14.849.576
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.849.576	14.849.576

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Chi tạm ứng đầu tư	1.500.000.000	-
Thu tạm ứng đầu tư	1.700.000.000	-
Tạm ứng hoạt động khác	63.131.558	-
Hoàn tạm ứng hoạt động khác	45.364.000	-
Lãi ứng vốn ủy thác đầu tư chưa sử dụng	-	11.000.000.000
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị tạm ứng	20.872.338.013	21.054.570.455
Phải thu tiền tạm ứng	20.872.338.013	21.054.570.455

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	343.800.000	312.411.039

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</i>		
Phải thu tiền bán hàng	11.585.894.961	51.973.147.820
+ Giá trị chưa thuế	10.532.631.777	47.248.316.200
+ Thuế GTGT đầu ra	1.053.263.184	4.724.831.620

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng	128.226.780	-
+ Giá trị chưa thuế	116.569.800	-
+ Thuế GTGT đầu vào	11.656.980	-
Thu tiền bán hàng	11.063.654.500	51.420.000.000
Trả tiền mua hàng	380.000.000	0
Góp vốn đầu tư hợp tác liên doanh	-	24.500.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa

Doanh thu cho thuê văn phòng	-	40.000.000
+ Giá trị chưa thuế	-	36.363.636
+ Thuế GTGT đầu ra	-	3.636.364
Thu tiền cho thuê văn phòng	-	50.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ của Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	18.023.390.934	17.501.150.473
Phải thu tiền bán hàng	18.023.390.934	17.501.150.473
Phải trả tiền mua hàng	896.475.717	1.148.248.937
Tiền hợp tác đầu tư	37.000.000.000	37.000.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	92.599.700.956	4.944.613.696	16.325.261.560	-	113.869.576.212
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	28.981.900.960	-	-	(28.981.900.960)	-
Tổng doanh thu thuần	121.581.601.916	4.944.613.696	16.325.261.560	(28.981.900.960)	113.869.576.212
Chi phí bộ phận	104.643.908.425	4.567.072.239	14.792.471.443	(29.153.859.705)	94.849.592.402
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.937.693.491	377.541.457	1.532.790.117	171.958.745	19.019.983.810
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(7.076.363.413)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					11.943.620.397
Doanh thu hoạt động tài chính					137.221.121
Chi phí tài chính					(10.349.129.470)
Thu nhập khác					1.061.030.261
Chi phí khác					(55.695.090)
Phần lãi lỗ trong Công ty liên kết					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(254.732.441)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(12.896.906)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					2.469.417.872
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	41.291.600	-	-	-	41.291.600
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.028.379.164	-	59.078.176	-	4.087.457.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn như sau:

	Khu vực			Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam		
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	409.752.392.085	4.241.411.539	12.268.555.710	(78.675.467.179)	347.586.892.155
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản					347.586.892.155
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	255.292.511.471	4.137.074.228	11.330.997.448	(64.221.819.597)	206.538.763.550
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả					206.538.763.550

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.233.933.374	3.960.294.739	2.233.933.374	3.960.294.739
Phải thu khách hàng	114.901.114.963	110.796.570.214	114.901.114.963	110.796.570.214
Các khoản phải thu khác	26.702.544.771	44.518.662.487	26.702.544.771	44.518.662.487
Cộng	143.837.593.108	159.275.527.440	143.837.593.108	159.275.527.440
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	95.712.211.126	131.217.765.150	95.712.211.126	131.217.765.150
Phải trả người bán	30.659.434.594	8.146.219.348	30.659.434.594	8.146.219.348
Các khoản phải trả khác	12.148.115.227	9.807.003.356	12.148.115.227	9.807.003.356
Cộng	138.519.760.947	149.170.987.854	138.519.760.947	149.170.987.854

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	95.712.211.126	-	-	95.712.211.126
Phải trả người bán	30.659.434.594	-	-	30.659.434.594
Chi phí phải trả	9.860.029.813	-	-	9.860.029.813
Các khoản phải trả khác	1.130.927.720	1.157.157.694	-	2.288.085.414
Cộng	137.362.603.253	1.157.157.694	-	138.519.760.947
				-
Số đầu năm				
Vay và nợ	131.217.765.150	-	-	131.217.765.150
Phải trả người bán	8.146.219.348	-	-	8.146.219.348
Chi phí phải trả	6.125.788.442	-	-	6.125.788.442
Các khoản phải trả khác	1.391.187.460	2.290.027.454	-	3.681.214.914
Cộng	146.880.960.400	2.290.027.454	-	149.170.987.854

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt.

Lập ngày 26 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Phó Tổng Giám đốc



Đào Thị Soi